NGHIÊN CỨU VỀ ĐỘNG LỰC HỌC TIẾNG TRUNG CỦA NGƯỜI HỌC TRÊN ĐỊA BÀN MỘT TỈNH Ở MIỀN NAM, VIỆT NAM

LẠC GIA HUỆ
Viện Phát triển Nguồn lực, Trường Đại học Trà Vinh
NGUYỄN THỊ DIỄM KIỀU
Khoa Ngôn ngữ Trung Quốc, Trường Ngôn ngữ - Văn hóa - Nghệ thuật Khmer Nam Bộ và Nhân văn, Trường Đại học Trà Vinh

Nhận bài ngày 20/4/2025. Sửa chữa xong 24/4/2025. Duyệt đăng 29/4/2025.

Abstract

The aim of this research was to explore the motivation of Chinese learners in Tra Vinh province and to understand the opportunities and challenges they encounter in the process of learning Chinese. This study also aims to propose solutions to improve the quality of Chinese language learning. The research utilized a quantitative approach to collect data through a survey questionnaire. The results indicated that the motivation to learn Chinese among learners depends on both integrative orientations and instrumental orientations. However, in general, instrumental factors such as job opportunities and income accounted for the highest proportion. Although there are currently many opportunities available to Chinese learners, the challenges they face in Tra Vinh province are significant, requiring each learner to make continuous efforts and leverage existing advantages to overcome obstacles and improve their Chinese language learning outcomes.

Keywords: *Advantages, challenges, Chinese, learning Chinese, Tra Vinh province.*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hầu hết các quốc gia trên thế giới đều đang có xu hướng mở rộng hợp tác, hội nhập trên mọi phương diện như kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội,... và Việt Nam cũng không ngoại lệ. Trong những năm vừa qua, Việt Nam đã kí kết rất nhiều hiệp định thương mại tự do nhằm góp phần thúc đẩy hội nhập kinh tế quốc gia, mở rộng thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam đầu tư. Với vai trò là quốc gia láng giềng, Trung Quốc đã trở thành một trong những đối tác chiến lược toàn diện của Việt Nam. Theo thống kê từ Bộ kế hoạch và Đầu tư, trong tháng 9/2024, số lượng dự án cấp mới của Trung Quốc vào Việt Nam đầu tư là 729 dự án, chiếm tỉ lệ cao nhất so với các quốc gia khác trong cùng thời điểm. Ngoài ra, cũng trong tháng 9/2024, Trung Quốc còn có 159 dự án tăng vốn và 357 dự án góp vốn, mua cổ phần ở Việt Nam[1]. Từ số liệu trên cho thấy xu thế đầu tư của Trung Quốc vào Việt Nam đang không ngừng tăng lên, mở ra rất nhiều cơ hội và thách thức cho nền kinh tế Việt Nam và lực lượng lao động ở Việt Nam, đặc biệt là lực lượng lao động biết tiếng Trung.

Wu Yingcheng và Lin Xilai (2009) cho rằng: "Triển vọng phát triển toàn cầu hóa tiếng Trung sẽ phụ thuộc vào tình hình phát triển kinh tế của Trung Quốc. Nếu nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục tăng trưởng ổn định, vị thế của tiếng Trung sẽ tiếp tục được cải thiện, nhu cầu về các khóa học Tiếng Trung như một ngoại ngữ sẽ tiếp tục tăng và quá trình toàn cầu hóa của Trung Quốc sẽ được củng cố hơn nữa trong bối cảnh ngôn ngữ quốc tế, trước cục diện ngôn ngữ quốc tế ở thế kỷ 21, tiếng Trung sẽ có sức

1) Bộ kế hoạch và Đầu tư (2024), *Số liệu đầu tư trực tiếp nước ngoài tháng 9 năm 2024,* https://www.mpi.gov.vn/portal/pages/solieudtnn-chitiet.aspx?nam=2024&thang=9&phanloai=3, truy cập ngày 10/10/2024.

Email: kieuntd@tvu.edu.vn

cạnh tranh đáng kể"[1]. Hiện tại, Việt Nam đã đẩy mạnh công tác đào tạo Tiếng Trung nhằm đào tạo ra lực lượng có đủ trình độ và kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Trung, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy sâu hơn mối quan hệ hợp tác với Trung Quốc và các quốc gia có sử dụng tiếng Trung, nâng cao thu nhập cho nguồn nhân lực tiếng Trung trên toàn quốc.

Tại Trà Vinh, cùng với sự phát triển của dự án trọng điểm như: Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, dự án đưa dừa sáp Trà Vinh sang thị trường Trung Quốc, v.v. cũng như tiềm năng phát triển của các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan hiện có trên địa bàn, rất nhiều người đã và đang ý thức được tầm quan trọng của việc học Tiếng Trung, hàng loạt các cơ sở giảng dạy Tiếng Trung thi nhau ra đời, đáp ứng nhu cầu học Tiếng Trung của người dân trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

Vậy thì, lý do mà người học ở Trà Vinh lựa chọn học Tiếng Trung là gì? Làm sao để nâng cao chất lượng dạy và học Tiếng Trung ở Trà Vinh? Đây chính là những vấn đề sẽ được nhóm tác giả làm rõ trong bài nghiên cứu này.

2. Cơ sở lý luận

Các chủ đề liên quan đến học Tiếng Trung là các chủ đề được rất nhiều nhà nghiên cứu quan tâm, do đó hiện tại có khá nhiều công trình nghiên cứu trong ngoài nước liên quan đến chủ đề này.

2.1. Tầm quan trọng và động lực của việc học Tiếng Trung

Nói về tầm quan trọng của việc học Tiếng Trung, nhà đầu tư tài chính nổi tiếng người Mỹ Jim Rogers (2008) từng đưa ra lời khuyên của bản thân liên quan đến việc học tiếng Trung, ông cho rằng nên dạy con cháu chúng ta tiếng Trung, bởi vì nó sẽ trở ngôn ngữ quan trọng nhất trong cuộc đời của chúng trong tương lai [2].

Xét về triển vọng của tiếng Trung trong tương lai, Philip G. Altbach (2022) nhận định: "Tiếng Trung sẽ ngày càng được giảng dạy nhiều hơn trong các trường đại học trên khắp thế giới, tương tự như cách tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha được giảng dạy rộng rãi, nhưng sẽ được chú trọng nhiều hơn do ảnh hưởng toàn cầu của Trung Quốc ngày càng tăng. Là ngôn ngữ của một nền kinh tế lớn và là ngôn ngữ giảng dạy của một hệ thống giáo dục đại học cạnh tranh toàn cầu, tiếng Trung sẽ tiếp tục giữ vai trò quan trọng" [3]. Từ đó có thể thấy rằng việc học Tiếng Trung trong thời hội nhập là vô cùng cần thiết.

Ngoài ra, Đinh Thị Hồng Thu (2013) đã tiến hành phân tích tầm quan trọng của việc học Tiếng Trung, bà cho rằng người Việt khi học Tiếng Trung có được rất nhiều lợi thế, đặc biệt là do lượng từ Hán Việt trong tiếng mẹ đẻ, đồng thời đưa ra phương pháp tối ưu hóa lợi ích từ tiếng mẹ để để học Tiếng Trung [4].

Nói về động lực học Tiếng Trung, Quoc Hoang (2024) [5] đã tiến hành nghiên cứu về động lực học Tiếng Trung của sinh viên Trường đại học Thủ Dầu Một và phát hiện ra rằng động lực học Tiếng Trung của sinh viên đến từ công việc trợ giúp cho công việc sau này, hoàn thành điều kiện ra trường của chương trình đào tạo, để hội nhập toàn cầu và phát triển nghề nghiệp tương lai.

Suhan Liu (2024) [6] cũng tiến hành phân tích động lực học Tiếng Trung như một ngoại ngữ thứ hai trên hai phương diện là động lực bên trong (internal motivation) and động lực bên ngoài (external motivation). Động lực bên trong đến từ hứng thú, sở thích, v.v. của người học ở bên ngoài các hoạt động học tập hoặc cũng có thể đến từ những yếu tố như hứng thú với các nhiệm vụ và hoạt động học tập, thành tích học tập, v.v., khi đó động lực của người học không phụ thuộc vào hoạt động hay bản thân của việc học mà xuất phát từ hứng thú đối với việc nâng cao thành tích học tập. Động lực bên ngoài là động lực học tập được tác động bởi động lực học tập được tạo ra bởi nhu cầu kiến thức của bản thân, được phản ánh ở các khía cạnh trách nhiệm, khát khao kiến thức, tính tự chủ, ý thức thành đạt và sự tò mò.

2.2. Thực trạng, thuận lợi và thách thức khi học Tiếng Trung ở Việt Nam

Về thực trạng và thách thức của việc học Tiếng Trung, trong bài nghiên cứu về Trần Linh Chi và cộng sự (2019) đã phân tích hiện trạng học Tiếng Hán tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và phát hiện ra rằng hệ thống giảng dạy Tiếng Hán ở Việt Nam hiện nay có nhiều hạn chế như: mất cân bằng giữa

các cấp học, giảng dạy Tiếng Trung ở bậc Đại học đang phát triển mạnh mẽ còn giảng dạy Tiếng Trung ở bậc Tiểu học, trung học lại không được chú trọng; Đội ngũ giảng dạy thiếu và yếu, mất cân đối tỉ lệ giữ giảng viên và sinh viên; Xu hướng chọn ngành học của sinh viên thay đổi ảnh hưởng tiêu cực đến hệ thống dạy học Tiếng Hán [7].

Tương tự, TS. Nguyễn Thùy Vân và các cộng sự (2023) đã tiến hành phân tích những thách thức mà sinh viên khối ngành ngôn ngữ Trung Quốc gặp phải trong quá trình học Tiếng Trung, kết quả khảo sát cho thấy họ đang gặp thách thức ở các phương diện nghe, nói, đọc, viết, ngữ pháp, ghi nhớ từ vựng, đặt câu,...và họ cũng đã đưa ra các hướng khắc phục như: nghe nhiều, đọc nhiều, viết nhiều, giao tiếp nhiều bên cạnh đó còn phải có niềm đam mê, yêu thích đối với tiếng Trung [8]. Đây đều là những thách thức mà mỗi người học Tiếng Trung cần đối mặt để thu được kết quả như mong đợi.

Từ những nghiên cứu trên có thể thấy rằng nghiên cứu về động lực, thực trạng, thuận lợi và thách thức khi học Tiếng Trung không phải là quá hiếm, tuy nhiên, tính theo tình hình hiện tại, vẫn chưa có nhiều nghiên cứu trực tiếp liên quan đến đối tượng người học Tiếng Trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Điều này có thể đến từ việc du nhập và phổ biến ngôn ngữ này ở Trà Vinh thời gian chưa dài, sức ảnh hưởng chưa cao. Tuy nhiên, trên tình hình kinh tế, mở rộng hợp tác và sự gia tăng của các doanh nghiệp Trung Quốc, Đài Loan trên địa bàn tỉnh hiện nay, việc đầu tư, nghiên cứu sâu về động lực của người học Tiếng Trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh là vô cùng cần thiết, đáng được quan tâm.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Bài nghiên cứu được thực hiện trên nhóm đối tượng người học Tiếng Trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Trong số 101 phiếu khảo sát được phát ra, nhóm tác giả thu được 95 phiếu khảo sát hợp lệ.

3.2. Công cụ nghiên cứu

Để tìm hiểu động lực học Tiếng Trung cũng như những cơ hội và thách thức của người học Tiếng Trung trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, nhóm tác giả đã tiến hành thiết kế bản câu hỏi khảo sát bao gồm 16 câu hỏi theo thang đo Likert từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý), nội dung thiết kế dựa trên nghiên cứu của Robert C. Gardner và Richard N. LaTond (1978) [9], chia động lực (lý do) học Tiếng Trung của người học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh thành 2 yếu tố tác động là yếu tố thâm nhập (integrative orientations, chỉ sự thích thú của cá nhân người học đối với ngôn ngữ, văn hóa của quốc gia đó dẫn đến sự quan tâm đặc biệt đến ngôn ngữ) và yếu tố thực dụng (instrumental orientations, chỉ những yếu tố đến từ khát khao phải đạt được một thành quả gì đó thông qua học tập ngôn ngữ, hoặc bị tác động bởi yếu tố bên ngoài chứ không thuần túy đến từ việc yêu thích đối với ngôn ngữ). Trong đó, câu 1 tới câu 11 là yếu tố thực dụng (instrumental orientations), câu 12 tới câu 16 là yếu tố thâm nhập (integrative orientations).

3.3. Phân tích dữ liệu

Nhóm tác giả sử sử dụng phần mềm IBM SPSS Statistics 26, các thống kê mô tả bao gồm giá trị trung bình (Mean) để phân tích câu trả lời của người tham gia khảo sát. Ngoài ra, nhóm tác giả còn tiến hành phân tích giá trị Cronbach's Alpha để kiểm tra độ ổn định nội tại của câu trả lời, chỉ số dao động trong khoảng từ 0 đến 1, chỉ số có giá trị càng lớn thì độ tin cậy của kết quả khảo sát càng cao [10].

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kết quả

4.1.1. Động lực dựa trên yếu tố thực dụng (instrumental orientations)

Nhóm tác giả sử dụng các thống kê mô tả như giá trị trung bình, độ lệch chuẩn để phân tích và thống kê câu trả lời của người tham gia khảo sát. Đầu tiên, là ảnh hưởng của các yếu tố thực dụng đến lý do lựa chọn học Tiếng Trung của người học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh được thể hiện chi tiết (bảng 1).

Nội dung câu hỏi	Giá trị trung bình
1. Tiếng Trung là một ngôn ngữ quan trọng trong kinh doanh quốc tế.	4.3263
2. Học Tiếng Trung giúp tôi có cơ hội làm việc trong các công ty đa quốc gia.	4.3895
3. Thành thạo tiếng Trung giúp tôi dễ dàng hơn khi giao tiếp với người Trung.	4.6211
4. Tôi chọn học Tiếng Trung vì đây là ngôn ngữ phổ biến thứ hai trên thế giới.	4.0211
5. Tiếng Trung là ngôn ngữ của tương lai, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ.	3.7789
6. Tiếng Trung giúp tôi cải thiện mức lương trong công việc.	4.3263
7. Học Tiếng Trung giúp tôi nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và mở rộng kiến thức.	4.4947
8. Tiếng Trung giúp tôi tiếp cận được với nhiều tài liệu nghiên cứu hữu ích.	4.1579
9. Bạn bè và những người xung quanh đều học Tiếng Trung nên tôi cũng học.	3.1263
10. Ngành Tiếng Trung đang rất được quan tâm nên tôi muốn học Tiếng Trung.	3.8737
11. Cha mẹ hoặc người thân bắt tôi phải học Tiếng Trung.	2.1579

Bảng 1: Yếu tố thực dụng ảnh hưởng đến động lực học tiếng Trung (N=95)

Từ số liệu phân tích ở bảng 1 cho thấy mức điểm trung bình của từng câu hỏi đa số ở khá cao, điểm trung bình dao động từ 2.1579 đến 4.6211, trong đó chỉ có 1 giá trị ở mức độ không đồng ý (Mean=2.1579 ở câu hỏi số 11) và 1 giá trị ở mức trung lập (Mean=3.1263 ở câu số 9) theo thang đo Likert. Ngoài ra, giá trị Cronbach's Alpha để kiểm tra độ ổn định nội tại của phần khảo sát yếu tố thực dụng ảnh hưởng đến lý do cũng ở mức khá cao (r=.879), cho thấy kết quả khảo sát ở mức đáng tin cậy.

4.1.2. Động lực dựa trên yếu tố thâm nhập (integrative orientations)

Tương tự, nhóm tác giả cũng tiến hành phân tích động lực dựa trên yếu tố thâm nhập (bảng 2).

Nội dung câu hỏi	Giá trị trung bình
12. Tôi thấy tiếng Trung rất thú vị, đó là lý do tôi muốn học nó.	4.0632
13. Tôi muốn học Tiếng Trung để du lịch và khám phá văn hóa Trung Quốc.	4.4316
14. Tiếng Trung là cầu nối giúp tôi kết nối với nhiều bạn bè trên khắp thế giới.	4.2000
15. Tôi muốn học Tiếng Trung để **có th**ể chơi các game của Trung Quốc.	2.6316
16. Tôi muốn học Tiếng Trung để **có th**ể xem phim Trung không cần phụ đề.	4.0947

Bảng 2: Yếu tố thâm nhập ảnh hưởng đến động lực học Tiếng Trung (N=95)

Số liệu ở bảng 2 hiển thị giá trị trung bình dao động trong khoảng từ 2.6316 đến 4.4316. Trong đó, chỉ có 1 giá trị mức trung lập (Mean=2.6316 ở câu số 15), các giá khác đều ở mức đồng ý trở lên. Giá trị Cronbach's Alpha cũng ở mức .692>.600, cho thấy kết quả khảo sát cũng ở mức đáng tin cậy.

4.2. Thảo luận

Dựa trên bảng số liệu có thể thấy rằng phần lớn người học đều đồng tình với những lý do mà nhóm tác giả đưa ra. Những lý do mạnh mẽ nhất để học Tiếng Trung là liên quan đến cơ hội nghề nghiệp, khả năng giao tiếp với người Trung Quốc, và gia tăng thu nhập. Bên cạnh đó, tác động từ phía người thân hoặc xã hội cũng đáng được cân nhắc, nhưng cũng không phải là yếu tố chủ yếu. Đây chính là minh chứng cho việc động lực học Tiếng Trung của người học ở Trà Vinh đa phần đều chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố thực dụng tác động.

Ngoài ra, cũng có một số nguyên nhân đến từ sở thích cá nhân của người học như xem phim và chơi game, v.v. nhóm tác giả gọi đây là ảnh hưởng từ các yếu tố thâm nhập tác động.

Từ đó có thể thấy được rằng, động lực học Tiếng Trung của người học trên địa bàn tỉnh Trà Vinh bị ảnh hưởng bởi cả hai yếu tố thực dụng và yếu tố thâm nhập. Điều này tương tự với nhận định trong nghiên cứu của Robert C. Gardner và Richard N. LaTond (1978)[2].

5. Kiến nghị

Để nâng cao chất lượng giáo dục và duy trì động lực học tập cho người học. Việc cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo viên và tạo ra nhiều cơ hội thực hành sẽ là những bước đi cần thiết để phát triển nguồn lực tiếng Trung tại địa phương. Cần tăng cường tuyển dụng giáo viên bản ngữ hoặc các giáo viên từng học tập và làm việc tại Trung Quốc và Đài Loan để nâng cao chất lượng giảng dạy. Đối với các trung tâm/trường học có dạy Tiếng Trung, nên xây dựng một thư viện chuyên ngành, cung cấp nguồn tài liệu tiếng Trung phong phú nhằm giúp người học có thể dễ dàng truy cập tài liệu cần thiết. Chính quyền tỉnh Trà Vinh nên cân nhắc tổ chức các cuộc giao lưu và thi tiếng Trung, mở rộng thêm nhiều mối quan hệ hợp tác quốc tế với Trung Quốc và Đài Loan, tạo ra những sân chơi bổ ích cho người học, qua đó nâng cao sự hứng thú và động lực học tập của họ.

6. Kết luận

Dưới tác động của xu thế hội nhập toàn cầu, học Tiếng Trung đang dần trở thành vấn đề được rất nhiều người học ở tỉnh Trà Vinh chú trọng. Động lực học tập của họ chủ yếu bị tác động bởi cả yếu tố thâm nhập lẫn yếu tố thực dụng, tuy nhiên nhìn chung yếu tố thực dụng, đặc biệt là khát khao về cơ hội việc làm và thu nhập có ảnh hưởng sâu rộng hơn đến động lực học tập, trở thành lý do khiến rất nhiều người lực chọn học tập ngôn ngữ này.

Tài liệu tham khảo

[1] 吴英成， 林惜莱(Wu Yingcheng & Lin Xilai), (2009), 汉语国际传播：全球语言视角， 汉语教学期刊 (*Truyền bá Hán ngữ quốc tế: Góc nhìn ngôn ngữ toàn cầu,* Tạp chí Giảng dạy Tiếng Hán) 5(1), 1-15.

[2] Jim, R., (2008), *A Bull in China: Investing Profitably in the World's Greatest Market,* New York: Random House Trade Paperbacks.

[3] Philip G. Altbach (2022), *Tương lai của Trung Quốc và tiếng Trung trong giáo dục đại học toàn cầu,* Đặc san Giáo dục Đại học Quốc tế, Trường Đại học FPT, số 110, tháng 2, tr. 22-24.

[4] 丁氏红秋 (Đinh Thị Hồng Thu (2023, 越南学生汉语词汇学习研究［博士毕业论文］, 华中师范大学 *(Nghiên cứu về việc học từ vựng tiếng Hán của sinh viên Việt Nam,* Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ, Trường Đại học Sư phạm Hoa Trung.

[5] Quoc Hoang (2024) *Motivation for Learning Chinese as a Second Language: A Case Study of Students at Thu Dau Mot University (Động lực khi học Tiếng Trung như một ngôn ngữ thứ hai: Trường hợp sinh viên Trường Đại học Thủ Dầu Một),* Technium Social Sciences Journal, 61(1), 250–259.

[6] Suhan Liu, (2024), *The Influence of Learning Motivation on Learning Chinese As a Foreign Language (Ảnh hưởng của động lực học tập đến việc học Tiếng Trung như một ngoại ngữ),* Social Science, Education and Humanities Research, số 11, tháng 8, tr. 172-176.

[7] Trần Linh Chi, Nguyễn Thị Lan Hương, Nguyễn Quang Nhận (2019), *Hiện trạng dạy học Tiếng Hán tại Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa,* Tạp chí Khoa học Trường Đại học Thủ Đô Hà Nội, số 32, tháng 6, tr. 39-49.

[8] Nguyễn Thùy Vân, Phạm Quế Lâm, Nguyễn Phúc Minh Thuận (2023) *Những khó khăn của sinh viên khi học Tiếng Trung Quốc*, Tạp chí khoa học và công nghệ Trường Đại học Thành Đông, số 7, tháng 1, tr. 1-6.

[9] Robert C. Gardner, Richard N. LaTonde (1985), *Social psychological aspects of second language acquisition* (*Những khía cạnh tâm lý xã hội của việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai)*, Presented at The 93rd Annual Convention of the American Psychological Association at Los Angeles, California, August 1985.

[10] Joseph F. Hair JR., William C. Black, Barry J. Babin, Rolph E. Anderson, (2009), *Multivariate data analysis (Seventh Edition* (*Phân tích dữ liệu đa biến),* Pearson, UK.